



Dự án BPP: "Nâng cao thu nhập từ trồng cây lấy gỗ giá trị cao và các-bon trên nương rẫy"

Đánh giá về các biện pháp bảo đảm an toàn quốc gia của Việt Nam cho các dự án các-bon trong lâm nghiệp, so sánh với các Tiêu chuẩn Quốc tế

(dự thảo 1)

Ngô Huy Toàn & Phan Minh Sáng, 2025

Lời cảm ơn

Dự án " Nâng cao thu nhập từ trồng cây lấy gỗ giá trị cao và các-bon trên nương rẫy" của Nền tảng Đối tác Kinh doanh (Business Partnerships Platform) được tài trợ bởi Chính phủ Australia cho các đối tác gồm Đại học Queensland, Australia, Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển Đồng xanh, Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp vùng Tây Bắc và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Ấn phẩm này do Chính phủ Australia tài trợ thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại. Các quan điểm được thể hiện trong ấn phẩm này là của riêng các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chính phủ Australia, Đại học Queensland hay bất kỳ tổ chức liên quan nào khác.

Mục lục

Tóm tắt	5
1. Giới thiệu	7
1.1 Bối cảnh	7
1.2 Mục tiêu của Đánh giá	8
1.3 Phương pháp luận	8
2. Các Tiêu chuẩn Các-bon Quốc tế: Tổng quan	9
2.1 Tiêu chuẩn Các-bon được Xác minh (VCS)	9
2.2 Tiêu chuẩn Vàng	9
2.3 Tiêu chuẩn Xây dựng Giao dịch REDD+ (ART/TREES)	10
2.4 Tiêu chuẩn Plan Vivo	10
2.5 Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp (FCPF)	11
3. Khung Pháp lý Quốc gia của Việt Nam	11
3.1 Khung Pháp lý và Thể chế	11
3.2 Chương trình REDD+ Quốc gia và các Chính sách Liên quan	12
3.3 Các Quy định về Thị trường Các-bon Mới nổi	13
4. Phân tích So sánh: Quyền của Người bản địa và Cộng đồng Địa phương.....	14
4.1 Công nhận Người bản địa và Cộng đồng Địa phương.....	14
4.2 Yêu cầu về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc Tự nguyện, Thông báo trước và được cung cấp Thông tin (FPIC)	15
4.3 Quyền sử dụng đất	16
4.4 Sự tham gia vào thiết kế và thực hiện dự án	17
5. Phân tích so sánh: Cơ chế chia sẻ lợi ích	19
5.1 Định nghĩa và phạm vi lợi ích.....	19
5.2 Xác định các đối tượng hưởng lợi	20
5.3 Cơ chế chia sẻ Lợi ích.....	21
5.4 Minh bạch và Trách nhiệm giải trình	22
6. Phân tích so sánh: Thủ Tục Giải quyết Khiếu Nại	24
6.1 Khả năng tiếp cận.....	24
6.2 Minh bạch thủ tục	26
6.3 Độc lập và Công bằng.....	27
6.4 Khả năng Đáp ứng và Tính Kịp thời.....	28
6.5 Cơ Chế Kháng Cáo	29
7. Đánh giá về các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam trong thực tế	32
7.1 Nghiên cứu điển hình: Chương trình Quỹ đối tác các-bon trong lâm nghiệp của Việt Nam (ERPA).....	32

7.2 Các yếu tố thành công và thách thức	33
7.3 Khoảng trống thực hiện	34
8. Phân tích khoảng trống giữa các khung pháp lý của Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế.....	35
8.1. Khác biệt về khái niệm và thuật ngữ	35
8.2 Khoảng trống về công nhận pháp lý	36
8.3 Khoảng trống về thủ tục và thực hiện.....	37
8.4 Khoảng trống về giám sát và minh bạch.....	38
9. Khuyến nghị nhằm tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam	39
9.1. Khung pháp lý và quy định	39
9.2 Thực hiện và thực thi	40
9.3 Nâng cao năng lực và nhận thức	40
10. Kết luận.....	41
Tài liệu tham khảo	43

Tóm tắt

Đánh giá này cung cấp một phân tích so sánh toàn diện về các biện pháp bảo đảm an toàn (safeguards) quốc gia của Việt Nam đối với các dự án các-bon so với năm tiêu chuẩn các-bon quốc tế lớn: Tiêu chuẩn Các-bon được Xác minh (VCS), Tiêu chuẩn Vàng, Xây dựng Giao dịch REDD+ (ART/TREES), Plan Vivo và Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp (FCPF). Phân tích tập trung vào ba khía cạnh chính: quyền của Người bản địa và cộng đồng địa phương, cơ chế chia sẻ lợi ích và các thủ tục giải quyết khiếu nại.

Các phát hiện cho thấy Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc phát triển các biện pháp bảo đảm an toàn cho các dự án các-bon, đặc biệt thông qua việc tham gia vào các cơ chế quốc tế như FCPF. Khoản thanh toán thành công của quốc gia là 51,5 triệu đô la Mỹ vào năm 2024 cho việc giảm phát thải đã được xác minh ở Khu vực Bắc Trung Bộ thể hiện việc thực hiện thực tế các biện pháp bảo đảm an toàn này. Việt Nam đã thiết lập một khung pháp lý tương đối mạnh mẽ để chia sẻ lợi ích, được thể hiện bằng việc triển khai thành công chương trình Chi trả cho Dịch vụ Môi trường Rừng (PFES) và cơ chế chia sẻ lợi ích cho Chương trình Giảm Phát thải FCPF.

Tuy nhiên, những khoảng trống đáng chú ý vẫn còn trong khung pháp lý bảo đảm an toàn của Việt Nam so với các tiêu chuẩn quốc tế. Một sự khác biệt cơ bản nằm ở cách tiếp cận của Việt Nam đối với Người bản địa-nước này công nhận 53 nhóm dân tộc thiểu số nhưng không chỉ định họ một cách hợp pháp là "Người bản địa" với các quyền tập thể riêng biệt như được định nghĩa trong các khung pháp lý quốc tế. Sự khác biệt về khái niệm này ảnh hưởng đến cách xác định, tham khảo ý kiến và thu hút các cộng đồng tham gia vào quá trình ra quyết định cho các dự án các-bon.

Khung pháp lý của Việt Nam cũng cho thấy những hạn chế liên quan đến các yêu cầu rõ ràng về Sự đồng thuận trước, tự nguyện và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC). Mặc dù Việt Nam đã tiến hành tham vấn cho các dự án các-bon, nhưng cách tiếp cận pháp lý của họ nhấn mạnh "tham vấn và huy động" hơn là một quyền rõ ràng để các cộng đồng giữ lại sự đồng ý. Điều này tạo ra một khoảng cách đáng kể so với các tiêu chuẩn như Plan Vivo và Tiêu chuẩn Vàng (Gold Standard), những tiêu chuẩn yêu cầu FPIC được ghi lại cho các hoạt động ảnh hưởng đến quyền, đất đai và sinh kế của cộng đồng.

Việc công nhận quyền sử dụng đất theo tập quán đại diện cho một thách thức quan trọng khác. Mặc dù đã có những tiến bộ trong Luật Lâm nghiệp năm 2017, trong đó thừa nhận "rừng truyền thống và tập tục" việc thực hiện đã không đồng đều. Theo các đánh giá gần đây, chỉ có khoảng 2% diện tích đất rừng của cả nước được giao cho cộng đồng quản lý, phần lớn do các cơ quan nhà nước hoặc công ty tư nhân quản lý.

Cách tiếp cận của Việt Nam đối với các biện pháp bảo đảm an toàn phù hợp nhất với các khung pháp lý pháp lý như FCPF và ART/TREES, vốn phù hợp với hệ thống quản trị quốc gia đồng thời khuyến khích những cải tiến tiến bộ. Quốc gia phải đối mặt với những thách thức lớn hơn trong việc đáp ứng các yêu cầu tập trung vào cộng đồng khắt khe hơn của các tiêu chuẩn như Plan Vivo hoặc các biện pháp bảo đảm an toàn toàn diện của Gold Standard, đặc biệt là với cách tiếp cận quản trị tập trung của nó.

Những thách thức trong thực hiện làm trầm trọng thêm những khoảng trống chính sách này. Các rào cản thực tế bao gồm năng lực hạn chế ở cấp địa phương, các thủ tục hành chính phức tạp, các yêu cầu về tài liệu gây bất lợi cho các cộng đồng có trình độ học vấn hoặc kinh nghiệm hành chính hạn chế, rủi ro bị giới thượng lưu chiếm đoạt trong phân phối lợi ích và giám sát độc lập hạn chế việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn.

Bất chấp những thách thức này, Việt Nam đã thể hiện sự sẵn sàng tham gia vào các khung pháp lý quốc tế và điều chỉnh các yếu tố của thông lệ tốt nhất cho bối cảnh quốc gia của mình. Cách tiếp cận thực dụng của quốc gia đối với các biện pháp bảo đảm an toàn dự án các-bon cho thấy tiềm năng tiếp tục cải thiện.

Đánh giá này khuyến nghị tăng cường khung pháp lý pháp lý của Việt Nam để công nhận rõ ràng quyền của các dân tộc thiểu số là Người bản địa, chính thức hóa các yêu cầu FPIC, tăng cường công nhận quyền sử dụng đất theo tập quán, phân cấp quản trị chia sẻ lợi ích và cải thiện các cơ chế giải quyết khiếu nại. Những cải tiến này sẽ giúp các dự án các-bon của Việt Nam đạt được công bằng xã hội và hiệu quả môi trường lớn hơn, dựa trên các cam kết và tiến độ của quốc gia cho đến nay.

Khi Việt Nam phát triển thị trường các-bon trong nước và tăng cường tham gia vào tài chính các-bon quốc tế, việc tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn sẽ rất cần thiết không chỉ để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế mà còn để đảm bảo rằng các dự án các-bon mang lại lợi ích thực sự cho các cộng đồng phụ thuộc vào rừng đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững và toàn diện.

1. Giới thiệu

1.1 Bối cảnh

Thị trường các-bon toàn cầu đã tăng trưởng đáng kể trong hai thập kỷ qua khi các quốc gia và các tổ chức tư nhân tìm kiếm các cơ chế để đáp ứng các mục tiêu giảm khí nhà kính. Các dự án các-bon, cho dù theo thị trường tuân thủ hay tự nguyện, đều liên quan đến các tương tác phức tạp với môi trường và cộng đồng địa phương, làm cho các biện pháp bảo đảm an toàn mạnh mẽ trở nên cần thiết để đảm bảo tính toàn vẹn môi trường và công bằng xã hội. Các tiêu chuẩn các-bon quốc tế đã phát triển để bao gồm các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội và môi trường ngày càng toàn diện, thừa nhận rằng các giải pháp bền vững phải bảo đảm an toàn các quyền và lợi ích của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là Người bản địa và các cộng đồng địa phương, những người thường phải gánh chịu những tác động của các sáng kiến đó.

Việt Nam, với những khu rừng và đa dạng sinh học phong phú, đã tích cực tham gia vào việc giảm phát thải từ nạn phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) và đang phát triển một khung thị trường các-bon trong nước. Cách tiếp cận của quốc gia đối với các biện pháp bảo đảm an toàn được định hình bởi sự độc đáo của bối cảnh chính trị, pháp lý và xã hội, bao gồm cả việc phân loại 53 nhóm dân tộc thiểu số song song nhưng không tương đương về mặt pháp lý với khái niệm được quốc tế công nhận về Người bản địa (IWGIA, 2024). Hiểu được cách các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam so sánh với các tiêu chuẩn quốc tế là rất quan trọng để đánh giá mức độ sẵn sàng của quốc gia tham gia vào thị trường các-bon toàn cầu và đảm bảo các kết quả giảm thiểu khí hậu công bằng, hiệu quả.

Phân tích gần đây chỉ ra rằng các tiêu chuẩn tự nguyện cho REDD+ thường hỗ trợ việc công nhận quyền sử dụng đất và tài nguyên cho Người bản địa và cộng đồng địa phương nhưng thường không giải quyết đầy đủ quyền các-bon (Sarmiento Barletti et al., 2021). Các tiêu chuẩn thường kêu gọi tôn trọng quyền sử dụng đất và tài nguyên theo luật quốc gia hoặc địa phương, nhưng chúng không giải quyết đầy đủ các quyền các-bon vẫn chưa rõ ràng trong nhiều hệ thống pháp luật. Sự gián đoạn này đặc biệt phù hợp với khung thị trường các-bon mới nổi của Việt Nam.

Là một cơ chế quản trị đa cấp, REDD+ đòi hỏi sự hợp tác chức năng giữa các tổ chức quốc tế khác nhau, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các chủ thể quốc gia và dưới quốc gia, bao gồm cả người dân địa phương và các nhóm cộng đồng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực các-bon và phi các-bon của bảo tồn và phát triển (Arts et al., 2019; Pinsky & Kruglianskas, 2019; Tiến, 2022). Các quốc gia tham gia REDD+ phải đáp ứng các yêu cầu liên quan đến phương pháp luận và bảo vệ để đủ điều kiện cho các sáng kiến liên quan đến REDD+ dựa trên kết quả, có thể bị ảnh hưởng bởi các năng lực khác nhau, thiết lập thể chế và hoàn cảnh địa phương, đặc biệt là ở các nước đang phát triển (Laudari et al., 2021; Maraseni et al., 2020).

Tính hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn là rất quan trọng, vì nghiên cứu cho thấy các sáng kiến giảm phát thải các-bon thông qua quản lý sử dụng đất thích hợp và các hoạt động dựa trên rừng như REDD+ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm các chương trình nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực, thiết kế toàn diện và cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng và minh bạch (Aryal et al., 2024). Ngay cả sau nhiều thập kỷ thảo luận về quy trình REDD+, vẫn còn nhiều vấn đề gây tranh cãi cần được giải quyết, đặc biệt liên quan đến việc

thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, sự tham gia của Người bản địa và cộng đồng địa phương, cũng như chia sẻ lợi ích công bằng.

1.2 Mục tiêu của Đánh giá

Đánh giá toàn diện này nhằm mục đích:

1. Phân tích các đặc điểm chính của các tiêu chuẩn các-bon quốc tế lớn liên quan đến các biện pháp bảo đảm an toàn cho Người bản địa và cộng đồng địa phương, chia sẻ lợi ích và giải quyết khiếu nại.
2. Kiểm tra khung pháp lý hiện tại của Việt Nam và các hệ thống bảo đảm an toàn cho các dự án các-bon.
3. Cung cấp một đánh giá so sánh chi tiết về các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam so với các tiêu chuẩn quốc tế.
4. Xác định những khoảng trống, điểm mạnh và thách thức trong khung bảo đảm an toàn của Việt Nam.
5. Đưa ra các khuyến nghị dựa trên bằng chứng để tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam để phù hợp với các thông lệ tốt nhất.

1.3 Phương pháp luận

Đánh giá này dựa trên phân tích kỹ lưỡng các nguồn sơ cấp và thứ cấp, bao gồm:

- Các tài liệu chính thức từ các tiêu chuẩn các-bon quốc tế (VCS, Gold Standard, ART/TREES, Plan Vivo và FCPF).
- Luật pháp, quy định và các tài liệu chính sách của Việt Nam liên quan đến các dự án các-bon, lâm nghiệp, quyền sử dụng đất và bảo đảm an toàn môi trường.
- Các tài liệu và báo cáo học thuật về các biện pháp bảo đảm an toàn các-bon và việc thực hiện chúng.
- Các nghiên cứu điển hình về các dự án các-bon và các chương trình REDD+ ở Việt Nam.

Phân tích so sánh tập trung vào ba khía cạnh chính của các biện pháp bảo đảm an toàn:

1. Quyền của Người bản địa và cộng đồng địa phương (công nhận, FPIC, quyền sử dụng đất, tham gia).
2. Cơ chế chia sẻ lợi ích (định nghĩa, người hưởng lợi, phân phối, tính minh bạch).
3. Thủ tục giải quyết khiếu nại (khả năng tiếp cận, tính minh bạch, tính độc lập, tính đáp ứng, kháng cáo).

Đối với mỗi khía cạnh, các biện pháp bảo đảm an toàn của Việt Nam được so sánh một cách có hệ thống với các biện pháp của năm tiêu chuẩn quốc tế, chú ý đến cả các yêu cầu chính thức và việc thực hiện thực tế. Đánh giá nhấn mạnh các chính sách hiện hành (tính đến năm 2025), đồng thời ghi nhận các diễn biến lịch sử và xu hướng mới nổi có liên quan.

2. Các Tiêu chuẩn Các-bon Quốc tế: Tổng quan

2.1 Tiêu chuẩn Các-bon được Xác minh (VCS)

Tiêu chuẩn Các-bon được Xác minh (VCS), do Verra quản lý, là chương trình tín dụng khí nhà kính (GHG) tự nguyện được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Nó thiết lập một khung pháp lý mạnh mẽ để chứng nhận việc giảm phát thải các-bon trên các loại và lĩnh vực dự án khác nhau. Chương trình VCS chủ yếu tập trung vào việc đảm bảo tính toàn vẹn môi trường của các khoản tín dụng các-bon thông qua các quy tắc nghiêm ngặt để định lượng, giám sát, báo cáo và xác minh.

Về các biện pháp bảo đảm an toàn, VCS đã phát triển theo thời gian. Mặc dù các phiên bản trước nhấn mạnh các khía cạnh môi trường hơn các cân nhắc xã hội, nhưng Verra ngày càng nhận ra tầm quan trọng của các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội. Tuy nhiên, tiêu chuẩn cốt lõi của VCS vẫn duy trì một cách tiếp cận tương đối hạn chế đối với các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội so với một số tiêu chuẩn khác (Các-bon Market Watch, 2023). Tiêu chuẩn này yêu cầu các dự án tôn trọng quyền sở hữu, tiến hành tham vấn cơ bản với các bên liên quan và thiết lập các cơ chế giải quyết khiếu nại, nhưng nó không bắt buộc các yêu cầu toàn diện đối với Chấp thuận tự do, trước và có hiểu biết (FPIC) hoặc chia sẻ lợi ích.

Nhiều dự án VCS giải quyết các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội mạnh mẽ hơn bằng cách bổ sung chứng nhận theo Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng & Đa dạng sinh học (CCB), cũng do Verra quản lý. Tiêu chuẩn CCB cung cấp các yêu cầu chi tiết hơn về sự tham gia của cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học và các lợi ích phát triển bền vững, bổ sung hiệu quả cho trọng tâm kế toán các-bon của VCS.

Verra đã cập nhật các thủ tục giải quyết khiếu nại của mình vào cuối năm 2023, thay thế Chính sách Khiếu nại và Kháng cáo trước đó bằng Chính sách Giải quyết Khiếu nại mới có hiệu lực từ tháng 9 năm 2024 (Verra, 2023). Chính sách này cho phép các bên liên quan gửi khiếu nại về các chương trình hoặc dự án của Verra, với các điều khoản cho phép gửi ẩn danh và không thu phí từ người khiếu nại.

2.2 Tiêu chuẩn Vàng

Tiêu chuẩn Vàng, được thành lập bởi WWF và các tổ chức phi chính phủ khác vào năm 2003, tự định vị mình là một chứng nhận các-bon cao cấp với trọng tâm mạnh mẽ vào phát triển bền vững song song với giảm thiểu khí hậu. Hiện được gọi là Tiêu chuẩn Vàng cho các Mục tiêu Toàn cầu (GS4GG), nó yêu cầu rõ ràng các dự án phải mang lại tác động tích cực cho cộng đồng địa phương và đóng góp vào nhiều Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) ngoài hành động khí hậu (Gold Standard, n.d.).

Tiêu chuẩn Vàng kết hợp các biện pháp bảo đảm an toàn toàn diện thông qua Nguyên tắc và Yêu cầu Bảo đảm an toàn của mình, trong đó giải quyết các quyền con người, bình đẳng giới, sức khỏe cộng đồng, di sản văn hóa và các khía cạnh xã hội và môi trường khác. Tiêu chuẩn này bắt buộc tham vấn và thu hút các bên liên quan địa phương kỹ lưỡng trong suốt vòng đời dự án, đặc biệt chú ý đến các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề (SustainCERT, 2023).

Tiêu chuẩn này nhằm mục đích kết hợp các nguyên tắc FPIC, yêu cầu các dự án ảnh hưởng đến Người bản địa hoặc cộng đồng địa phương phải tiến hành tham vấn có ý nghĩa với mục tiêu đạt

được sự đồng ý. Các dự án phải tôn trọng cả quyền sử dụng đất hợp pháp và theo tập quán, bao gồm cả quyền tập thể của Người bản địa đối với vùng đất mà họ theo truyền thống sử dụng hoặc chiếm giữ mà không có danh hiệu chính thức (Gold Standard, 2023).

Tiêu chuẩn Vàng đã thiết lập một Quy trình Khiếu nại chính thức chi tiết để giải quyết các khiếu nại liên quan đến hoạt động và các tổ chức liên kết của mình. Quy trình này tuân theo các nguyên tắc rõ ràng bao gồm tính hợp pháp, khả năng tiếp cận, khả năng dự đoán, công bằng, tính minh bạch và khả năng tương thích về quyền, với thời gian phản hồi được xác định (Gold Standard, 2020).

2.3 Tiêu chuẩn Xây dựng Giao dịch REDD+ (ART/TREES)

Kiến trúc cho các Giao dịch REDD+ (ART) quản lý Tiêu chuẩn Xuất sắc Môi trường REDD+ (TREES), tập trung vào các chương trình REDD+ theo thẩm quyền ở cấp quốc gia hoặc dưới quốc gia. ART/TREES nhằm mục đích khuyến khích bảo vệ rừng quy mô lớn đồng thời duy trì các tiêu chuẩn cao về tính toàn vẹn môi trường và xã hội (ART, n.d.-a).

TREES kết hợp các biện pháp bảo vệ dựa trên Các biện pháp bảo đảm an toàn Cancun đã được quốc tế thống nhất được thông qua theo UNFCCC, yêu cầu các khu vực pháp lý chứng minh rằng các biện pháp bảo đảm an toàn được giải quyết và tôn trọng trong suốt quá trình thực hiện REDD+. Chúng bao gồm tôn trọng kiến thức và quyền của Người bản địa và cộng đồng địa phương, đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ và thúc đẩy bảo tồn và đồng lợi ích xã hội (ART, 2021).

Tiêu chuẩn yêu cầu các khu vực pháp lý tham gia phải thiết lập các khung pháp lý để công nhận quyền sử dụng đất theo tập quán và đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan nhưng chủ yếu dựa vào hệ thống quốc gia để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn này. TREES bắt buộc FPIC một cách rõ ràng đối với việc di dời, trong khi các trường hợp khác yêu cầu FPIC được xác định thông qua các quy trình có sự tham gia (ART, n.d.-b).

ART đã thiết lập một quy trình chính thức cho các khiếu nại và kháng cáo liên quan đến chương trình ART, do Ban Thư ký ART giám sát. Trang web ART duy trì một danh sách công khai các khiếu nại và kháng cáo chính thức đã nhận được, cùng với thông tin về kết quả của các quy trình xem xét (ART, n.d.-c).

2.4 Tiêu chuẩn Plan Vivo

Plan Vivo, được đổi tên thành Tiêu chuẩn Các-bon Plan Vivo (PV Climate), là một tiêu chuẩn đặc biệt tập trung vào cộng đồng, ưu tiên các dự án do các chủ trang trại nhỏ và cộng đồng lãnh đạo. Nó kết hợp các biện pháp bảo đảm an toàn xã hội mạnh mẽ như các thành phần cốt lõi của tiêu chuẩn, phản ánh nguồn gốc của nó trong quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng (Plan Vivo Foundation, n.d.-a).

Plan Vivo yêu cầu các dự án chứng minh sự tuân thủ một số tiêu chí liên quan đến quyền của Người bản địa và cộng đồng địa phương. Chúng bao gồm FPIC được ghi lại cho tất cả các hoạt động của dự án có thể ảnh hưởng đến quyền, đất đai, tài nguyên và sinh kế của họ; tôn trọng quyền, kiến thức truyền thống và di sản văn hóa của họ; và sự tham gia đầy đủ và hiệu quả vào thiết kế và thực hiện dự án (Plan Vivo Foundation, n.d.-b).